

1

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 17/2023/DSST

Ngày: 14/3/2023

Về việc: “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

* Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Hồng Thúy**

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thúy Dung**.

Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Ngọc Lam Điền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều: Ông Nguyễn Xuân Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 356/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2021 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/QĐST-DS ngày 27/02/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Võ Anh P** sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số 260B/8 khu vực 2, phường AB, Q. NK, TP. CT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Huỳnh Chí T – thuộc Đoàn Luật sư thành phố CT.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị M** sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số 260B/8 khu vực 2, phường AB, Q. NK, TP. CT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư Đoàn Văn Đ – thuộc Đoàn Luật sư thành phố CT

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Nguyễn Thị Thu H** sinh năm 1974

Địa chỉ: số 539/1 TQD, khu vực 3, phường AT, quận BT, thành phố CT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Doãn Chí V** sinh năm 1971

Địa chỉ: số 539/1 TQD, khu vực 3, phường AT, quận BT, thành phố CT.

2. Bà **Lê Thị Kim A** sinh năm 1973

Địa chỉ: L43-57 đường số 8, KDC NT, P. BT, TP. CT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn V** sinh năm 1964

Địa chỉ: số L43-57 đường số 8, KDC NT, phường BT, quận BT, thành phố CT.

3. Bà **Võ Thị Kim P**

Địa chỉ: Số 260B1/8 khu vực 2, phường AB, Q. NK, TP. CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản thay đổi ý kiến nguyên đơn trình bày như sau:

Ông Võ Anh P và bà Nguyễn Thị M kết hôn và có đăng ký tại Ủy Ban Nhân Dân phường AB, quận NK, TP CT. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, sau đó giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay đời sống hôn nhân vợ chồng bị rạn nứt không hàn gắn được nên ông Võ Anh P làm đơn yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Về con chung: ông P bà M có 02 con chung tên Võ Ngọc T(nữ), sinh ngày 27/9/2009 và Võ Nguyễn Kiều D, sinh ngày 09/02/2015. Tại Biên bản hòa giải ngày 03/11/2021 thì ông đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn Thị M nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng/01 đứa con cho đến khi đủ 18 tuổi. Nay ông xin thay đổi ý kiến không đồng ý giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị M nuôi dưỡng vì từ ngày hòa giải đến nay ông không gặp mặt được con, muốn đón con về thăm ông bà nội cũng không được nên ông yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu bà Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con. Hoặc ông nuôi con chung tên Võ Ngọc T (nữ), sinh ngày 27/9/2009. Đồng ý giao con chung tên Võ Nguyễn Kiều D, sinh ngày 09/02/2015 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Vào ngày 3/11/2021, ông thống nhất giao 02 đứa con chung cho vợ ông trực tiếp nuôi con lúc đó ông thấy vợ ông khổ nên ông muốn giúp đỡ là cho bà M một miếng đất để làm ăn và nuôi hai con chung, nay đổi ý không đồng ý cho vợ ông một miếng đất là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1428, tờ bản đồ số 07 tại ấp TP A, thị trấn CT, huyện CT, Tỉnh HG, diện tích 100m², ODT theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số CT 11860 được Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh HG cấp ngày 01/8/2018 (ban đầu là tự thỏa thuận tại văn phòng Công Chứng) nay ông sẽ không ra Phòng Công Chứng ký giấy tờ cho bà M nữa.

Về tài sản chung: ông cho rằng 02 miếng đất là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1429 tờ bản đồ số 07 tại ấp TP A, thị trấn CT, huyện CT, Tỉnh HG, diện tích 100m², ODT theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số CM 754740, được Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh HG cấp ngày 01/8/2018, sổ vào sổ cấp giấy

chứng nhận: CT11861 và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1428 tờ bản đồ số 07 tại ấp TP A, thị trấn CT, huyện CT, Tỉnh HG, diện tích 100m², ODT theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số CM 754739, được Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh HG cấp ngày 01/8/2018, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT11860. Hai miếng đất này là ông P mượn tiền của em ông là Võ Thị Kim I (tên thường gọi là H) số tiền hơn 200.000.000đồng để mua đất ở HG. Bà Nguyễn Thị M chưa bao giờ biết miếng đất đang ở đâu, tiền giao dịch mua bán đất do gia đình ông giao dịch với ai để được mua miếng đất và trả tiền mua đất ra sao, số tiền là bao nhiêu. Vì ông P có yêu cầu trực tiếp nuôi con nên không đồng ý ra phòng công chứng ký giấy tờ thỏa thuận với bà M, tài sản này là của ông mượn tiền gia đình mua và bà M không có bỏ tiền mua đất nên ông P không đồng ý chia tài sản trên cho bà Nguyễn Thị M.

Đối với tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa 494, tờ bản đồ số 35, tại khu vực 2, đường TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² (ODT) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà số CH 16215 được Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 18/9/2018 là tài sản của gia đình ông đưa ông đứng tên dùm. Việc bà M yêu cầu chia đôi tài sản là giá trị căn nhà và chia đôi số tiền lên thổ cư (130.000.000đồng), ông không đồng ý. Vì số tiền lên thổ cư và tiền xây dựng căn nhà trên đất là do ông PH (ba ruột ông P) nhận tiền bồi thường đứng ra xây dựng vào tháng 3/2019.

Hiện nay, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) do bà M đã giấu ông lấy thế chấp cho bà H để vay tiền, ông có làm Đơn yêu cầu độc lập đối với bà Nguyễn Thị Thu H phải có trách nhiệm trả lại cho ông Võ Anh P Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính mà bà H đang giữ.

Về các khoản nợ chung:

Khoản nợ vay của bà Võ Thị Kim P với số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) trước đây ông thấy bà P khó khăn nên ông P muốn trả, nay ông P thay đổi ý kiến không đồng ý trả tiền cho bà Võ Thị Kim P. Bà M vay phải có trách nhiệm trả nợ cho bà P.

Khoản nợ vay của bà Nguyễn Thị Thu H với số tiền 669.000.000đồng (Sáu trăm sáu mươi chín triệu đồng) và lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 09/6/2018 theo giấy vay mượn nợ ngày 09/6/2018. Khoản nợ vay của bà Lê Thị Kim A với số tiền 650.000.000đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 10/12/2020 theo giấy vay tiền ngày 10/12/2020. Ông không vay tiền và không đồng ý trả cho bà Thu H và bà Kim A, các bên tính như thế nào không liên quan đến ông.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M có yêu cầu phản tố như sau:

Bà M thống nhất với lời trình bày của ông P về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Bà đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Thống nhất với lời trình bày của ông P về việc bà và ông P có 02 con chung, bà yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Võ Ngọc T (nữ), sinh ngày

27/9/2009 và Võ Nguyễn Kiều D, sinh ngày 09/02/2015. Không đồng ý giao con chung tên Võ Ngọc T (nữ), sinh ngày 27/9/2009 cho ông P nuôi theo yêu cầu.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Bà có yêu cầu phản tố yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị đối với các tài sản gồm:

+ Bà yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gồm quyền sử dụng đất và giá trị căn nhà thuộc thửa 494, tờ bản đồ số 35, khu vực 2, TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018.

+ Tiền lên thổ cư thửa đất số 494 số tiền 130.000.000đồng.

+ Được chia 1 miếng đất là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1428 tờ bản đồ số 07, tại ấp TP A, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh HG, diện tích 100m², ODT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số CT 11860 được Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh HG cấp ngày 01/8/2018.

+ Yêu cầu chia đôi chiếc xe SH mode: Bà đồng ý nhận số tiền 30.000.000đồng, giao xe cho ông P. Các bên tự thỏa thuận bên ngoài, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ các khoản nợ sau:

+ Khoản nợ vay của bà Nguyễn Thị Thu H với số tiền 669.000.000đồng, theo giấy vay mượn nợ ngày 09/6/2018.

+ Khoản nợ vay của bà Lê Thị Kim A với số tiền 650.000.000đồng theo Giấy vay tiền ngày 10/12/2020.

+ Khoản nợ vay của Võ Thị Kim P với số tiền 100.000.000đồng và lãi suất 5%/tháng tính từ ngày 10/7/2021.

Tất cả các khoản nợ trên là do bà mượn để xây nhà trên đất tại thửa đất số 494, tờ bản đồ số 35, tại khu vực 2, đường TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² (ODT) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà số CH 16215 được Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 18/9/2018 và mua 02 miếng đất ở HG, lo chi tiêu trong gia đình, do ông P không đưa tiền cho bà lo cho gia đình và nuôi con chung.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày*:

* *Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu H – ông Doãn Chí V trình bày*: Từ mối quan hệ quen biết làm chung đơn vị cùng đồng đội, nên bà H có cho bà M vay số tiền 669.000.000đồng có làm biên nhận vay tiền vào ngày 09/6/2018 với lãi suất 01%/tháng. Sau đó, do cần tiền bà H yêu cầu bà M trả lại số tiền đã vay nhưng bà M nhiều lần hứa hẹn mà không trả. Bà Thu H khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền nợ gốc nêu trên và lãi suất 01%/tháng đến tất nợ. Khi vay, bà M có đưa 01 Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất đứng tên ông Võ Anh P (chồng bà M) để bà H giữ làm niềm tin. Rút lại yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với quyền sử dụng đất tại thửa 494, tờ bản đồ số 35, tại khu vực II, đường TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² (ODT) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà số CH 16215 được Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 18/9/2018. Việc ông P có Đơn yêu cầu trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính), bà Thu H có ý kiến khi nào bà M trả hết nợ thì bà H sẽ trả lại giấy đất cho ông P, bà chỉ giữ Giấy đất để làm niềm tin, không có ý định chiếm đoạt.

*** Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Kim A – Ông Nguyễn Văn V trình bày:** Từ mối quan hệ quen biết làm chung đơn vị cùng đồng đội nên bà Lê Thị Kim A có cho bà M vay số tiền 650.000.000 đồng có làm biên nhận vay tiền ngày 10/12/2020 với lãi suất 01%/tháng. Sau đó, do cần tiền bà yêu cầu bà M trả lại số tiền đã vay nhưng bà M nhiều lần hứa hẹn mà không trả. Bà Kim A khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền nợ gốc nêu trên và lãi suất 01%/tháng đến tất nợ. Rút lại yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với quyền sử dụng đất tại thửa 494, tờ bản đồ số 35, tại khu vực II, đường TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² (ODT) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà số CH 16215 được Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 18/9/2018.

*** Bà Võ Thị Kim P** làm Đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đối với bà Nguyễn Thị M phải trả 100.000.000đồng theo Biên nhận mượn tiền vào ngày 1/6/2018 do bà M ký nhận nợ, không yêu cầu tính lãi suất.

*** Đối với yêu cầu trả nợ của bà Lê Kim A (tên gọi khác là Lê Thanh N)** buộc ông Võ Anh P và bà Nguyễn Thị M phải trả 50.000.000đồng và tiền lãi suất tính từ ngày lập Biên nhận nợ 14/04/2021 và bà Trần Thị Phương M buộc ông Võ Anh P và bà Nguyễn Thị M phải trả 110.000.000đồng và tiền lãi suất tính từ ngày lập Biên nhận nợ 08/7/2021. Sau đó, 02 bà Lê Kim A (tên gọi khác là Lê Thanh N) và bà Trần Thị Phương M có Bản tự khai đồng ý rút lại yêu cầu giải quyết sau nên Tòa án không đề cập giải quyết chung trong vụ kiện này.

Tại phiên tòa hôm nay:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Võ Anh P có ý kiến trong phần tranh luận như sau:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn, về con chung ông P muốn được nuôi cả hai con hoặc chia ra mỗi người nuôi một cháu, trường hợp phải giao hết con cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng thì đồng ý giao con cho bà M và đồng ý cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000đồng/01 tháng/01 cháu cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Về tài sản chung là 02 thửa đất tọa lạc tại ấp TP A, thị trấn CT, huyện CT A, tỉnh HG, luật sư ông P không có ý kiến, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét có phải tài sản

trong thời kỳ hôn nhân hay không. Đối với giá trị xây nhà thì Hội đồng xem xét việc ông P rút số tiền 750.000.000đồng ở ngân hàng BIDV trong đó có tiền trúng số của ông PH và tiền ông PH góp việc xây nhà là 100.000.000đồng. Phía bà M chỉ nhận tiền của ông P để chi trả các khoản tiền chi phí cho việc xây nhà nên đề nghị Hội đồng xem xét kỹ phần bà M là bao nhiêu trong toàn bộ số tiền xây nhà 750.000.000đồng nói trên. Về các khoản nợ theo 02 biên nhận nợ mà bà Thu H và bà Kim A xuất trình là không phù hợp với thời gian xây nhà. Do đó, việc bà M cho rằng vay tiền của 02 bà Thu H và Kim A để lo cho việc cất xây nhà cửa và lo mọi chi tiêu cho gia đình là không đúng, đồng thời nếu là vay mượn tiền chung thì phải có ông P ký nhận và biên nhận nợ chung theo như yêu cầu trả nợ chung của bà Thu H và bà Kim A và lời nói của bà M là chưa nhất quán nhau.

Bà PH bổ sung ý kiến: Việc cất nhà là do ba tôi trúng số để giành và từ tiền đền bù căn nhà cũ gia đình gom góp để đưa cho P cất ở chung. Từ năm 2008 đến năm 2018 là khoảng thời gian gia đình đùm bọc cùng sống chung hòa thuận với nhau. Lương P làm có đưa về tiếp M lo cho gia đình. Khi mọi chuyện vỡ lở ra mới hay bà M đi vay tiền mà tự ý vay 01 mình không có bàn bạc gì với chồng là ông Phúc. Tiền cất nhà là của bên chồng dành dụm để cất và cả 02 miếng đất mua dưới thị trấn CT cũng là của gia đình bên chồng mua nên bà M đừng nói việc vay mượn tiền các bà Thu H hay Kim A là dùng để xây nhà và lo quán xuyến trong gia đình nhằm có sự đồng thuận của chồng đồng ý cho vay và lấy giấy đất thế chấp là không đúng sự thật. Yêu cầu bà M tự chịu các khoản nợ tự vay riêng và không được chia đất hay giá trị nhà gì của bên phía gia đình ông P tạo dựng mà có.

Luật sư Đoàn Văn Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M trình bày:

Theo Đơn khởi kiện ban đầu của ông P thì việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đồng/tháng/cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sao cho bà M đủ điều kiện nuôi và chăm lo cho 02 cháu vì hiện nay chi phí nuôi 02 cháu là cao tiền đi học tại trường, học thêm, tiền ăn uống mọi thứ là hơn 6.000.000đồng/01 tháng cho 02 cháu.

Theo quan điểm của luật sư cứ cho rằng 02 miếng đất tại thửa 1428 và 1429 tọa lạc tại ấp TP A, thị trấn CT, huyện CT A, tỉnh HG với diện tích 100m² thổ cư và tiền xây cất nhà giá trị là 750.000.000đồng là tiền của ông P để dành tiết kiệm tại ngân hàng hay cha mẹ trúng số gom lại cùng nhau là của riêng gia đình bên ông P. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo Điều 33 Luật hôn nhân gia đình quy định rằng các khoản thu nhập, thu lợi, lợi tức do vợ hay chồng hay do vợ chồng tạo ra đều được coi là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Từ lúc kết hôn cho đến thời điểm hiện tại theo lời khai nhận công khai của bà M thì lương của ông P giữ không đưa cho bà M để lo chi tiêu cho gia đình mà bà M phải tự lo. Lương của P dùng để gởi tiết kiệm. Do nhu cầu tăng cao của gia đình, bà M vay tiền của 02 bà Nguyễn Thị Thu H và Lê Thị Kim A để chi dùng lo cho cuộc sống gia đình cũng như có việc lo cất xây nhà. Do vậy cần xác nhận các khoản nợ này là nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia đôi hết tài sản chung, nợ chung.

Bà P xác nhận yêu cầu chỉ riêng bà M trả số tiền nợ 100.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Bà M tranh luận việc bà Phường nói lương ông P đưa về tiếp bà lo cho gia đình là không có. Và xác nhận việc vay mượn với bà Phường 100.000.000đồng, đồng ý trả số tiền vay này cho bà P. Không liên quan đến P, bà M dùng số tiền vay này đem về quê cho người ta vay lại.

Đại diện cho bà Nguyễn Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu độc lập yêu cầu bà M và ông P cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc là 669.000.000đồng và lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 01/12/2021 (tính từ ngày chốt tại đơn vị) đến ngày Toà án xét xử mốc thời gian 01/3/2023 làm tròn 15 tháng và yêu cầu lãi suất phát sinh từ ngày 02/3/2023 cho đến ngày trả tất nợ. Bà Thu H cho bà M vay nhiều lần, có lần vay cũng ngay lúc bà H biết đang cất xây nhà. Việc nhận thế chấp giấy tờ đất của ông Phúc mà bà M đưa bà cũng giữ để làm tin, không có ý định chiếm đoạt.

Đại diện cho bà Lê Thị Kim A giữ nguyên yêu cầu độc lập yêu cầu bà M và ông P cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc là 650.000.000đồng và lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày Toà án xét xử lấy mốc thời gian 01/3/2023 làm tròn 15 tháng và yêu cầu lãi suất phát sinh từ ngày 02/3/2023 cho đến ngày trả tất nợ.

Ông P trình bày tranh luận việc bà M lấy trộm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp ông không hay biết, khi ông hỏi thì bà cho rằng không có giữ nên ông phải thực hiện thủ tục có mất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Bà M vay tiền với mục đích gì ông không biết và cho rằng đây là nợ riêng của bà M, ông không đồng ý trả nợ tiếp bà M. Vẫn giữ yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018.

Đối với 02 chiếc xe máy hiệu SH Mode biển kiểm soát 65B2 – 316.04 và hiệu AIR BLADE biển kiểm soát 65B2 - 646.85 các bên thống nhất thỏa thuận mỗi người giữ một chiếc để sử dụng, bà M và ông P thống nhất không yêu cầu Tòa án phân chia đối với 02 tài sản này. Ông P đồng ý chia (giao) chiếc xe Air Black cho bà M đang sử dụng, ông P giữ chiếc xe SH mode, riêng chiếc Air Black là đang đứng tên ông Võ Anh P, bà M đề nghị ông P phải có trách nhiệm giao giấy tờ đăng ký xe cho bà M để tiện việc lưu thông đi lại. Việc làm thủ tục sang cho bà M các đương sự tự thực hiện tại văn phòng công chứng theo quy định. Toà án không đề cập xem xét.

*** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát giải quyết nội dung tranh chấp như sau:**

Nhận thấy, về quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông P đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, ông bà hiện đã ly thân và bà M, ông P đều thống nhất ly hôn nên về quan hệ hôn nhân ông P yêu cầu được ly hôn với bà M là có cơ sở để chấp nhận, về con chung ông P và bà M chưa thống nhất được giao con cho ai, ông P cũng yêu cầu được nuôi con chung, nếu phải giao thì chỉ giao cháu Võ Nguyễn Kiều D (nữ) sinh

ngày 09/02/2015 hiện đang sinh sống cùng bà Mơ cho bà Mơ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng. Trường hợp giao cả hai cháu cho bà M nuôi dưỡng ông đồng ý cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000đồng/01 tháng/01 cháu đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu và yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi hai cháu mỗi cháu 2.000.000đồng/01 tháng/01 cháu đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Nhận thấy, việc giao con cho bên nào cần sự đánh giá cẩn thận, đầy đủ và do hai cháu đã hơn 07 tuổi nên cần xem xét đến nguyện vọng của hai cháu. Nhận thấy, hai cháu đều là nữ, hiện đang sống cùng mẹ, lại có nguyện vọng sống cùng mẹ. Do đó, cần thiết giao cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và tốt nhất cho hai cháu, về nghĩa vụ cấp dưỡng do ông P không đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên theo quy định tại Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình nhận thấy ông P hiện có thu nhập ổn định từ lương làm tài xế mức lương ổn định trên 10.000.000đồng, mức sinh hoạt của các cháu hiện chưa thu thập được nhưng xét theo điều kiện hiện tại mức cấp dưỡng cho hai cháu trên mức $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu, ý chí tự nguyện cấp dưỡng mỗi cháu từ 1.000.000đồng/cháu/tháng của ông P là phù hợp nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung: 02 quyền sử dụng đất tại thửa 1428 và 1429, tờ bản đồ số 07, có cùng diện tích 100,0m², tọa lạc tại Ấp TP A, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh HG là tài sản nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh đây là tài sản có nguồn gốc là tài sản riêng. Do đó, đây là tài sản chung của vợ chồng bà M, ông P các bên thống nhất giá trị tài sản này mỗi tài sản 700.000.000đồng, nên giao cho mỗi bên 01 nền, cụ thể như các bên đã từng thể hiện ý chí muốn thỏa thuận giao cho bà M nền thửa 1428, ông P nền thửa 1429 và tại phiên tòa bà M đồng ý nhận nền có số thửa 1428, ông P đồng ý nhận nền có số thửa 1429 nên cần ghi nhận.

Đối với thửa 494, tờ bản đồ số 35, khu vực 2, TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018 có nguồn gốc là của ông Võ Anh PH, đối với phần nhà phía ông PH trình bày nhưng chứng cứ chứng minh chỉ khoảng gần 100.000.000đồng nhưng ông không yêu cầu giải quyết, do đó về phần đất là tài sản riêng của ông P và bà M cũng đã rút yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất này nên cần đình chỉ giải quyết. Về phần nhà ông P, bà M đều có chứng cứ chứng minh ông bà có bỏ tiền ra để xây dựng căn nhà này, các bên thống nhất giá trị căn nhà là 750.000.000đồng. Do đó, giá trị căn nhà cần được chia làm đôi cho 02 bên ông P và bà M. Đối với 02 chiếc xe hiệu SH Mode biển kiểm soát 65B2 – 316.04 và hiệu AIR BLADE biển kiểm soát 65B2- 646.85 các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phần nợ chung và cũng là giải quyết yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: nhận thấy trong thời gian hôn nhân bà M có nhiều mối quan hệ vay mượn, trong đó các biên nhận nợ với bà H, bà Kim A mặc dù nội dung bà M có ghi đã bàn bạc với chồng nhưng không có gì thể hiện đã có sự đồng ý của ông P, số tiền các bên vay mượn là rất lớn nhưng người có yêu cầu độc lập bà H và bà Kim A không yêu cầu ông P ký vào biên nhận nên không có cơ sở cho rằng ông P có biết và có nhận nợ cùng với bà M các bên không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh ông P có nhận nợ cùng với bà M, người có yêu cầu độc lập cho rằng ông Phúc có biết và bà M có ghi trong biên nhận nợ đã bàn bạc cùng chồng nhưng phía bên cho vay

không yêu cầu ông P ký tên vào biên nhận nợ là lỗi của bên cho vay khi không buộc vợ chồng cùng ký tên nhận nợ mà chỉ dựa vào lời thừa nhận của bà M để cho rằng ông P đã biết về việc vay mượn. Mặt khác, các bên cho rằng bà M vay tiền để mua đất và xây dựng nhà nhưng thực tế các biên nhận đối với bà Kim A là vào năm 2020 trong khi việc mua nhà được ông P thực hiện vào năm 2018, xây nhà vào năm 2019, thời điểm mua đất do phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên xem là tài sản chung nhưng việc đứng ra ký kết hợp đồng bản thân bà M cũng không có tham gia, thời điểm khởi kiện, tại biên bản hòa giải ngày 03/11/2021 bà M còn chưa biết số thửa, tờ bản đồ, vị trí thửa đất, các thông tin cần thiết của thửa 1429 để trình bày chỉ biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông P giữ. Tất cả những điều này chứng minh khoản nợ này là nợ riêng của bà M, ông P không có nghĩa vụ phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cùng với bà M đối với khoản nợ vay của bà H và bà Kim A. Riêng đối với khoản nợ của bà Võ Thị Kim P bà P chỉ yêu cầu bà M phải trả nợ, biên nhận nợ chỉ một mình bà M ký không có gì thể hiện ông P có biết việc vay mượn nợ do đó yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có cơ sở để chấp nhận một phần buộc bà M phải thanh toán toàn bộ các khoản nợ cho bà H, bà Kim A, bà P. Không chấp nhận phần yêu cầu phân tố của bà M về yêu cầu ông Phúc phải thanh toán $\frac{1}{2}$ các khoản nợ của bà.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Võ Anh P do bà H nhận từ bà M làm tin, các bên không đăng ký thế chấp bà M mang giấy ông Phúc đi thế chấp là không đúng quy định. Nên cần buộc bà H phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này lại cho ông P.

Từ những nhận định nêu trên;

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc cho ly hôn với bà Nguyễn Thị M, về con chung giao 02 con chung Võ Ngọc T (nữ) sinh ngày 27/9/2009 và Võ Nguyễn Kiều D (nữ) sinh ngày 09/02/2015 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng về nghĩa vụ cấp dưỡng ông P phải cấp dưỡng nuôi 02 con nhỏ mỗi tháng 1.000.000đồng/01 tháng/01 cháu cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung chấp nhận một phần yêu cầu phân tố của bà M: 02 quyền sử dụng đất tại thửa 1428 và 1429, tờ bản đồ số 07, có cùng diện tích 100,0m², tọa lạc tại Ấp TP A, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh HG là tài sản chung của vợ chồng bà M, ông P các bên thống nhất giá trị tài sản này mỗi tài sản 700.000.000đồng, nên giao cho mỗi bên 01 nền, cụ thể như các bên đã từng thể hiện ý chí muốn thỏa thuận giao cho bà M nền thửa 1428, ông P nền thửa 1429. Trường hợp bên nào nhận toàn bộ hiện vật phải trả lại giá trị tương ứng cho bên kia.

Đối với thửa 494, tờ bản đồ số 35, khu vực 2, TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018 có nguồn gốc là của ông Võ Anh PH, do đó về đất là tài sản riêng của ông P. Đối với căn nhà giá trị 750.000.000 đồng ông P và gia đình ông đang sử dụng ổn định và đang sở hữu riêng phần đất nên ông P nhận nhà và có nghĩa vụ trả lại 50% giá trị nhà là 375.000.000 đồng cho bà M.

Đình chỉ một phần yêu cầu phân tố của bà M liên quan đến các khoản nợ với bà Lê Thị N, bà Trần Thị Phương M; yêu cầu chia quyền sử dụng đất thửa 494, tờ bản đồ

số 35, khu vực 2, TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018 và yêu cầu về 02 chiếc xe hiệu SH Mode biển kiểm soát 65B2 – 316.04 và chiếc xe hiệu AIR BLADE biển kiểm soát 65B2- 646.85.

Về nợ chung chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Thu H và bà Lê Thị Kim A buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi suất 01% theo các biên nhận nợ ngày 09/6/2018 và 10/12/2020 cụ thể vốn gốc nợ bà H là 669.000.000 đồng và lãi suất 01% tạm tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày 01/3/2023 là 15 tháng số tiền tạm tính là 100.350.000 đồng, bà Kim A là 650.000.000 đồng cùng lãi suất 01%/tháng tạm tính từ 01/12/2021 đến 01/3/2023 là 15 tháng tương đương số tiền lãi là 97.500.000 đồng. Không chấp nhận phần yêu cầu độc lập và yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc ông P có trách nhiệm liên đới trả ½ các khoản nợ. Buộc bà H phải thực hiện hoàn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Võ Thị Kim P về việc buộc bà M phải thanh toán cho bà Phượng số tiền 100.000.000 đồng.

Bà M và ông P có nghĩa vụ thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: ông P và bà M kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường AB, quận NK, TP. CT vào ngày 21/11/2008 số 161/KH-2008, Quyền số 1 theo quy định pháp luật nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn – ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung với bị đơn – bà M. Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại quận Ninh Kiều, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng trong vụ kiện*: Bị đơn bà Nguyễn Thị M có Đơn phản tố đối với việc giành quyền nuôi con chung, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu xem xét các khoản nợ chung nên Tòa án cùng xem xét chung trong vụ kiện. Quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị Thu H, Lê Thị Kim A có đơn khởi kiện ông Võ Anh P, bà Nguyễn Thị M quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản tại hồ sơ thụ lý số 329/DSST ngày 16/11/2021, ông P là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018. Sau đó, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành nhập vụ án số 01/NVA ngày 07/01/2022 vào vụ án xin ly hôn của ông Võ Anh P là nguyên đơn mà bị đơn là bà

Nguyễn Thị M có yêu cầu phản tố, đồng thời bà Thu H và bà Kim A được xác định lại là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có yêu cầu độc lập yêu cầu ông P, bà M thanh toán nợ vay cho bà Nguyễn Thị Thu H theo giấy nhận nợ ngày 09/6/2018 số tiền 669.000.000đồng với mức lãi suất 01%/tháng, thời điểm tính lãi là từ ngày 01/12/2021 khi 2 bên chốt số nợ tại đơn vị công tác và thanh toán cho bà Lê Thị Kim A số tiền 650.000.000đồng lãi suất 01%/tháng, thời điểm tính lãi là từ ngày 01/12/2021. Bà Nguyễn Thị Thu H đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 494, tờ bản đồ số 35, khu vực 2, TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018 do bà M giao để làm thế chấp cho khoản vay.

Bị đơn bà M rút một phần yêu cầu khởi kiện về các khoản nợ với bà Lê Thị N, bà Trần Thị Phương M và bà N, bà Phương M cũng có văn bản không yêu cầu giải quyết các khoản nợ liên quan các bà sẽ tự thỏa thuận.

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất không yêu cầu định giá giá trị tài sản tranh chấp mà thỏa thuận 02 phần đất thửa 1428 và 1429, tờ bản đồ số 07, có cùng diện tích 100m², tọa lạc tại Ấp TP A, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh HG thời điểm mua mỗi phần đất có giá 300.000.000đồng nay có giá thị trường khoảng 700.000.000đồng/thửa. Thống nhất sử dụng giá này để chia tài sản, trường hợp bên nào nhận hiện vật thì có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cho bên còn lại. Đối với căn nhà trên phần đất thửa 494, tờ bản đồ số 35, khu vực 2, TVK, phường AB, quận NK, TP. CT có giá trị khoảng 750.000.000đồng. Các bên thống nhất sử dụng giá trị này làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Xét Nội dung khởi kiện của ông P:

- Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên toà, ông Võ Anh P và bà Nguyễn Thị M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Ngọc T (nữ), sinh ngày 27/9/2009 và Võ Nguyễn Kiều D (nữ), sinh ngày 09/02/2015. Hiện con chung đang sống với bà M. Ông P có mong muốn sau khi ly hôn, ông yêu cầu nuôi 02 con chung. Tuy nhiên xét theo nguyện vọng của 02 cháu nhỏ và bà M cũng có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu T và D và 02 cháu D và T là con gái nên hội đồng xét xử xét giao 02 cháu cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý. Bà M và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M yêu cầu ông P cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đồng/01 tháng/01 cháu. Tuy nhiên ông P chỉ đồng ý tiền cấp dưỡng 1.000.000đồng/01 tháng/01 cháu và mức cấp dưỡng này phù hợp theo quy định pháp luật.

Việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con không ai có quyền cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông P không đồng ý chia bất cứ tài sản nào theo yêu cầu của bà M cũng như phần nợ riêng của bà M. Về cái nhà cất có được là từ phía gia đình nhà bên ông Phúc tự bỏ tiền và chi phí xây cất không có sự đóng góp của bà M cũng như 02 miếng đất dưới CT, HG là của riêng ông P.

Ông P yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Nguyễn Thị Thu Hà trả lại giất đất nhà số 260B/8, khu vực 2, phường AB, quận NK, TP. CT chiếu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 494, tờ bản đồ số 35, khu vực 2, TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018 mà bà M tự ý đem đi thế chấp.

[4] *Xét yêu cầu chia tài sản chung theo Đơn phản tố của bị đơn Nguyễn Thị M:*

Bà M thừa nhận quyền sử dụng đất thửa 494, tờ bản đồ số 35, khu vực 2, TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018 là tài sản riêng của ông P, căn nhà trên đất theo bà M là tài sản chung của vợ chồng và bà yêu cầu được chia tài sản này. Do đó, đối với yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 494, tờ bản đồ số 35, khu vực 2, TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018, bà M rút lại yêu cầu đề nghị Tòa án không đề cập đến.

Bà M yêu cầu Tòa án xem xét căn nhà 01 trệt 01 lầu cất trên miếng đất tọa lạc tại số 260B/8, khu vực 2, phường AB, quận NK, TP. CT. Xét việc bà M thừa nhận miếng đất là của ông P có trước thời kỳ hôn nhân theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 494, tờ bản đồ số 35, khu vực 2, TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018. Còn căn nhà cất mới trong thời kỳ hôn nhân nên bà M yêu cầu Tòa án xem xét chia đôi giá trị. Đồng thời bà M còn yêu cầu chia giá trị chuyển mục đích sử dụng đất từ vườn lên thổ cư là 130.000.000đồng, xét tại buổi làm việc hoà giải 12/5/2022 bà M có đề cập đến việc yêu cầu chia tiền chuyển mục đích sử dụng đất lên thổ cư 130.000.000đồng và tại phiên tòa bà M cũng yêu cầu xem xét tuy nhiên theo Đơn phản tố bà M lại không nêu ra trong đơn cụ thể nên hội đồng xét xử không xét yêu cầu này của bà M, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ tách ra thành vụ kiện khác. Về giá trị nhà 02 bên ông P bà M đều thống nhất xây cất nhà với số tiền là 750.000.000đồng. Qua xem xét phía bà M có cung cấp các hóa đơn tính tiền vật tư vật liệu xây dựng, trang trí nội ngoại thất để chứng minh việc bà M chi trả tiền khi xây cất nhà. Nhận thấy quá trình xây dựng nhà tại thửa đất số 494 do ông P đứng tên tài sản riêng có công sức đóng góp của bà M là có thật để xây dựng nên căn nhà gắn liền với thửa đất thiết nghĩ có cơ sở để chia đôi giá trị tiền xây nhà trên cho bà M theo yêu cầu phản tố là hợp lệ.

Do ông P và gia đình hiện đang sinh sống trong căn nhà trên, bà M theo lời khai đã ly thân và sống trong nhà công vụ tại Đơn vị cùng 02 con chung nên ông P phải có

trách nhiệm phối số tiền 375.000.000đồng từ việc chia đôi giá trị tiền xây nhà trên cho bà M.

Ngoài ra, Bà M yêu cầu ông P chia 02 (hai) miếng đất là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1429 tờ bản đồ số 07 tại ấp TP A, thị trấn CT, huyện CT, Tỉnh HG, diện tích 100m², ODT theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số CM 754740, được Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh HG cấp ngày 01/8/2018, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT11861, đã được cấp chỉnh lý sang tên ông Võ Anh P vào ngày 10/10/2018 và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1428 tờ bản đồ số 07 tại ấp TP A, thị trấn CT, huyện CT, Tỉnh HG, diện tích 100m², ODT theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số CM 754739, được Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh HG cấp ngày 01/8/2018, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT11860, đã được cấp chỉnh lý sang tên ông Võ Anh P vào ngày 10/10/2018 (sau đây gọi tắt là thửa đất số 1428 và 1429). Xét ông P bà M cho rằng giá trị của 01 thửa đất trên là 700.000.000đồng. Ông P cho là tài sản ông có được là từ việc ông và gia đình tích góp mua nên đây là tài sản riêng và không đồng ý chia theo yêu cầu bà M. Tuy nhiên, xét thấy tài sản là quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn. Theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình, xác định đây là tài sản chung của vợ chồng nên bà M yêu cầu chia 01 thửa đất trên là có căn cứ chấp nhận việc bà M được hưởng 01 thửa đất số 1428 bà chọn theo nguyện vọng

Về tài sản chung là xe gắn máy 02 chiếc xe hiệu SH Mode biển kiểm soát 65B2 – 316.04 và hiệu AIR BLADE biển kiểm soát 65B2- 646.85, ông P bà M không yêu cầu xem xét trong vụ kiện này. Hội đồng xét xử không đề cập đến nếu sau này có phát sinh tranh chấp, sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về các khoản nợ vay tại các Biên nhận nợ theo yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Thu H và bà Lê Thị Kim A:*

Khoản nợ với bà Võ Thị Kim P, bị đơn thừa nhận đây là nợ riêng của bà và bà Phượng cũng chỉ khởi kiện yêu cầu riêng bà Nguyễn Thị M phải thanh toán khoản nợ 100.000.000đồng cho bà. Do bà P bà M thống nhất tại phiên toà, bà M đồng ý trả theo yêu cầu đòi 100.000.000đồng của bà P nghĩ nên công nhận sự thoả thuận này của các đương sự.

Bị đơn bà M yêu cầu xác định là các khoản vay tiền của bà Nguyễn Thị Thu H và bà Lê Thị Kim A là nợ chung và ông Võ Anh P phải cùng trả nợ chung. Bà M cho là khi đi vay tiền có sự bàn bạc thống nhất với chồng là ông P cùng vay nợ và bà mới lấy được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên riêng của ông P đem thế chấp cho bà Thu H để đảm bảo khoản vay tiền. Bà M khai do ông P đi làm đã nhiều năm không đưa lương về, mọi chuyện trong gia đình bà M đều quán xuyến từ đồng lương, khi thiếu hụt phải mượn vay nợ dùng tiền đó để xây cất nhà, mua đất, trang trải các khoản chi phí và chi tiêu mọi thứ trong gia đình. Xét thấy tại các biên nhận nợ xác lập

với bà Thu H và bà Kim A chỉ có 01 mình bà M ký tên nhận vay tiền nợ. Mặt khác xét ông P không ký xác nhận cùng bà M vay tiền trong biên nhận nợ ngày 09/6/2018 với bà Nguyễn Thị Thu H và biên nhận nợ ngày 10/12/2020 với bà Lê Thị Kim A. Tại phiên tòa và các lời khai ông Phluôn thừa nhận không hề biết các khoản nợ vay trên. Thời điểm cất nhà là từ tháng 3 – đến tháng 6 năm 2019 so với thời điểm ký nhận nợ với bà Thu H là ngày 09/6/2018 và bà Kim A là ngày 10/12/2020 xét thời gian ký nhận nợ có khoảng cách là chênh lệch và xa nhau. Tiền mua 02 miếng đất 1428 và 1429 ông P khai tại Tòa là tiền ông góp trả hàng tháng. Do đó, đối với lời khai nhận như trên của bà M cũng như các đại diện của bà Thu H, bà Kim A yêu cầu ông Võ Anh P cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ chung với bà M là chưa thuyết phục Hội đồng xét xử. Vì vậy, thống nhất theo quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P, nhận định đây là nợ riêng của bà M và bà M đủ năng lực nhận thức khi tự ký vào các biên nhận nợ vay tiền là đã phát sinh nghĩa vụ và trách nhiệm dân sự. Bà M phải tự trả nợ gốc 669.000.000đồng và lãi phát sinh 01%/tháng tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày xét xử lấy mốc thời gian ngày 01/3/2023 là 15 tháng tiền lãi cho bà Nguyễn Thị Thu H và 650.000.000đồng và lãi phát sinh 01%/tháng tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày xét xử lấy mốc thời gian ngày 01/3/2023 là 15 tháng tiền lãi cho bà Lê Thị Kim A, đồng thời tiếp tục tính lãi phát sinh cho bà Thu H và bà Kim A kể từ ngày 02/3/2023 là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Việc nhận thế chấp tài sản giữa bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị M là không đúng theo quy định tại điều 317, 319 Bộ luật Dân sự, Khoản 1 Điều 179, Khoản 1 Điều 188 Luật đất đai quy định về việc cá nhân, tổ chức nhận thế chấp phải đăng ký tại cơ quan đất đai và bà M đem tài sản thế chấp là Giấy đất do ông P đang đứng tên chủ sử dụng, xét đây không phải là tài sản riêng của bà M hay là tài sản chung của vợ chồng và không được sự đồng ý của chủ sở hữu ông P là vi phạm, không đủ điều kiện thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật. Xét đây là tài sản riêng của ông Võ Anh P, từ những phân tích trên chấp nhận yêu cầu của ông Võ Anh P. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả lại Giấy đất thuộc quyền sở hữu cho ông P chiếu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 494, tờ bản đồ số 35, khu vực 2, TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018.

[6] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 246, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 33, 38, 39, 45, 51, Điều 56, 57, 58, và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 317, 318, 319, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 179, Khoản 1 Điều 188 Luật đất đai 2013.

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Võ Anh P

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn - Nguyễn Thị M.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Võ Anh P và bà Nguyễn Thị M thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Giao 02 (hai) con chung Võ Ngọc T (nữ), sinh ngày 27/9/2009 và Võ Nguyễn Kiều D (nữ), sinh ngày 09/02/2015 cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng đến khi 02 (hai) cháu trưởng thành. Ông P cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đồng/01 tháng/01 cháu đến khi 02 (hai) cháu T và D tròn 18 tuổi

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Võ Anh P không ai có quyền cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của 02 cháu các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- *Về chia tài sản chung:* Ông P có nghĩa vụ phối tiền 375.000.000đồng cho bà M từ việc chia đôi giá trị tiền xây cất nhà trên thửa 494 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 494, tờ bản đồ số 35, khu vực 2, TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018 tọa lạc tại số 260B/8 khu vực 2, đường TVK, phường AB, quận NK, TP. CT

- Bà M được chia 01 miếng đất theo Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1428 tờ bản đồ số 07 tại ấp TP A, thị trấn CT, huyện CT, Tỉnh HG, diện tích 100m², ODT theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số CM 754739, được Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh HG cấp ngày 01/8/2018, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT11860, đã được cấp chỉnh lý sang tên ông Võ Anh P vào ngày 10/10/2018. Bà M được quyền liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền làm thủ tục sang tên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1428 cho bà.

- Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị M liên quan đến các khoản nợ với bà Lê Thị N, bà Trần Thị Phương M; yêu cầu chia quyền sử dụng đất thửa 494, tờ bản đồ số 35, khu vực 2, TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018 và yêu cầu chia về 02 chiếc xe hiệu SH Mode biển kiểm soát 65B2 – 316.04 và chiếc xe hiệu AIR BLADE biển kiểm soát 65B2- 646.85. Đối với số tiền chuyển mục đích sử dụng đất đứng tên tài sản riêng của ông Võ Anh P lên thổ cư là 130.000.000đồng sẽ giải quyết thành vụ kiện khác nếu bị đơn bà Nguyễn Thị M có yêu cầu và có chứng cứ chứng minh.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H và bà Lê Thị Kim A.

Buộc Bà M phải thanh toán trả nợ gốc là 669.000.000đồng (sáu trăm sáu mươi chín triệu đồng) và lãi phát sinh 01% của 15 tháng tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày 01/3/2023 là 100.350.000đồng (một trăm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) cho bà Nguyễn Thị Thu H và phải thanh toán trả nợ gốc là 650.000.000đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh 01% của 15 tháng tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày 01/3/2023 là 97.500.000 đồng (chín mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) cho bà Lê Thị Kim A. Đồng thời bà Nguyễn Thị M phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh kể từ ngày 02/3/2023 cho đến khi trả hết nợ cho bà Nguyễn Thị Thu H và bà Lê Thị Kim A.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Anh Phúc buộc bà Nguyễn Thị Thu Hà phải trả lại giấy đất thuộc quyền sở hữu cho ông Võ Anh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 494, tờ bản đồ số 35, khu vực 2, TVK, phường AB, quận NK, TP. CT với diện tích 94,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 16215 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Võ Anh P ngày 18/9/2018.

- Công nhận sự thỏa thuận thành việc bà Nguyễn Thị M đồng ý trả 100.000.000đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim P, không tính lãi suất

- *Về án phí:* Ông P phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí ông Võ Anh P đã nộp theo biên lai thu số 0001224 ngày 11/10/2021 thành án phí. Ông P phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chuyển tiền tạm ứng án phí ông Võ Anh P đã nộp theo biên lai thu số 0001460 ngày 09/12/2021 thành án phí. Ông Võ Anh P phải chịu 44.250.000đồng (bốn mươi bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí từ việc chia tài sản chung.

- Bà M phải chịu 44.250.000đồng tiền án phí từ việc chia tài sản chung. Đối với án phí của các khoản nợ vay bà M phải chịu tiền án phí 34.774.000đồng đối với khoản nợ vay của bà H và phải chịu 33.900.000đồng đối với khoản nợ vay của bà Kim A, và phải chịu án phí 5.000.000đồng đối với khoản nợ vay của bà Võ Thị Kim P. Tuy nhiên do có Đơn xin xét giảm án phí vì hoàn cảnh thật sự khó khăn nên bà M được Hội đồng xét xử xem xét giảm án phí 50% số tiền án phí các khoản vay nợ cho bà M. Vậy bà Nguyễn Thị M phải đóng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm tổng cộng là 81.051.000đồng (tám mươi một triệu không trăm năm mươi một ngàn đồng). Có cần trừ số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 43.200.000đồng theo biên lai thu số 0001456 ngày 08/12/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Ninh Kiều.

- Bà Nguyễn Thị Thu H phải đóng án phí không giá ngạch là 300.000đồng từ việc phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Anh P.

- Ông Võ Anh P được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000052 ngày 27/9/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Ninh Kiều.

- Bà Võ Thị Kim P được nhận lại tiền tạm ứng án phí 1.250.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000724 ngày 29/6/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Ninh Kiều.

- Bà Nguyễn Thị Thu H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.680.000đồng theo biên lai thu số 0001314 ngày 04/11/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Ninh Kiều.

- Bà Lê Thị Kim A được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.300.000đồng theo biên lai thu số 0001313 ngày 04/11/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Ninh Kiều.

- *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận Ninh Kiều;
- Thi hành án quận Ninh Kiều;
- TAND TP Cần Thơ;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

VÕ HỒNG THÚY